

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024
của Nhà xuất bản Xây dựng**

- Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Nhà xuất bản Xây dựng;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của Bà kế toán trưởng:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Nhà xuất bản Xây dựng, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Bộ phận quản lý mạng (để công khai)
- Lưu :VP...

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC VINH



Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Nhà xuất bản Xây dựng
Chương: 019

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Nhà xuất bản Xây dựng)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.000.000.000	8.000.000.000	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.000.000.000	8.000.000.000	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	300.000.000	300.000.000	0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	300.000.000	300.000.000		
	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (100-101)	300.000.000	300.000.000	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế	7.000.000.000	7.000.000.000	0	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.000.000.000	7.000.000.000		
	- Mục 6050 Tiền công	4.408.208.464	4.408.208.464	0	
	- Mục 6300 Các khoản đóng góp	1.028.411.631	1.028.411.631	0	
	- Mục 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng	59.000.000	59.000.000	0	
	- Mục 6550 Vật tư văn phòng	37.237.520	37.237.520	0	
	- Mục 6600 Thông tin, truyền thông, liên lạc	14.742.942	14.742.942	0	
	- Mục 6750 Chi phí thuê mướn	31.000.000	31.000.000	0	
	- Mục 7000 Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	1.421.399.443	1.421.399.443	0	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

1	2	3	4	5=4-3	6
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (160-171)	700.000.000	700.000.000	0	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	- Nhiệm vụ sự nghiệp văn hóa thông tin (160-171) CTMT giảm nghèo về thông tin	700.000.000	700.000.000	0	
9	tân				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

